

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2022

V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đào Văn Vĩnh**.

2. Bà **Trần Thị Phương Anh**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa:* Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lý Thị Kim T**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ngọc Được, xã Hưng Thành, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0355.823.472.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Hoàng K**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ngọc Được, xã Hưng Thành, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0362.392.401.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lý Thị Kim T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Hoàng K kết hôn vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình sống chung, anh K thường xuyên uống rượu, có hành vi đánh, chửi chị rất nhiều lần. Chị đã cho anh K cơ hội nhiều lần sửa đổi, nhưng anh K vẫn không thay đổi. Việc chị ly hôn với anh K, anh K vẫn biết và còn hăm dọa chị cùng gia đình nếu chị ly hôn với anh. Trong quá trình sống chung, chị và anh K có 01 con chung tên Lê Hà Nh, sinh ngày 03/8/2003, hiện con đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu giải quyết, con muốn sống với ai thì tùy con. Tài sản chung có 01 cái nền ngang 6m x 24m và 02 công tầm cây đất ruộng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, do anh K đứng tên. Tài sản này chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Lê Hoàng K. Nhưng anh K vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ chứng cứ, ý kiến cho Tòa án.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không công nhận chị Lý Thị Kim T và anh Lê Hoàng K là vợ chồng. Về con chung, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị T không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lý Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Hoàng K và hiện nay anh K cư trú tại ấp Ngọc Đước, xã Hưng Thành, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện VL thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh K đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh K.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh K, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh K thường xuyên uống rượu, có hành vi đánh, chửi chị rất nhiều lần. Chị và anh K không có đăng ký kết hôn.

[2.1] Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các thông báo cho anh K đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh K không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên được xem là trường hợp tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do chị T cung cấp và Tòa án thu thập để xem xét yêu cầu K kiện của chị T.

[2.2] Tại biên bản xác minh ngày 17/12/2021, đại diện chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị T, anh K sinh sống xác nhận: địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh K.

[2.3] Xét thấy, chị T và anh K tự nguyện chung sống vào năm 2000, chỉ tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn mặc dù chị T, anh K có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên hôn nhân giữa chị T, anh K không được pháp luật công nhận. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị T và anh K là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên: Lê Hà Nh, sinh ngày 03/8/2003. Hiện con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản:

[4.1] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng chung sống có 01 cái nền ngang 6m x 24m và 02 công tầm cây đất ruộng, chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Anh K không thể hiện ý kiến, xem như anh thống nhất lời trình bày của chị T, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Về nợ chung: Chị T cho rằng vợ chồng không có nợ chung và anh K không thể hiện ý kiến của anh. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra xem xét. Các đương sự có quyền K kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và Gia đình, chị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1, 1.3 phần II mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lý Thị Kim T và anh Lê Hoàng K là vợ chồng.
2. Về nuôi con chung: Con đã trưởng thành, nên chị Lý Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về chia tài sản:
 - 3.1. Về tài sản chung: Chị Lý Thị Kim T và anh Lê Hoàng K tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết.
 - 3.2. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.
4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Lý Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000682 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VL, được chuyển thu án phí.
5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.
6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo chấp hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL;
- THADS huyện VL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Phan Công Trí